

BẢNG GIÁ THE HABITAT BINH DUONG - GIAI ĐOẠN 3



Ngày 20/11/2025

NO STT	Type Loại	Tower Tháp	Floor Tầng	Location Vị Trí	Unit No Mã Căn	Direction Hướng	Carpet Area Diện tích thông thủy (m2)	Sale Price (excluding VAT/VND) Giá dự kiến trước thuế	Land value (estimated) Giá trị đất (dự kiến)	VAT Thuế	Sale Price (including VAT/VND) Giá dự kiến sau thuế (VND)	Maintanance Fee Phí bảo trì
1	2PN	C1	02	03	C1.0203	South East/ Đông Nam	73.3	3,314,940,936	14,289,371	330,065,157	3,645,006,093	66,298,819
2	2PN	C1	02	04	C1.0204	South East/ Đông Nam	73.3	3,282,672,019	14,289,371	326,838,265	3,609,510,284	65,653,440
3	2PN	C1	04	03	C1.0403	South East/ Đông Nam	73.3	3,282,036,859	14,289,371	326,774,749	3,608,811,608	65,640,737
4	2PN	C1	04	04	C1.0404	South East/ Đông Nam	73.3	3,249,761,584	14,289,371	323,547,221	3,573,308,805	64,995,232
5	2PN	C1	04	05	C1.0405	South East/ Đông Nam	73.3	3,266,257,836	14,289,371	325,196,846	3,591,454,682	65,325,157
6	2PN	C1	05	05	C1.0505	South East/ Đông Nam	73.3	3,332,408,634	14,289,371	331,811,926	3,664,220,560	66,648,173
7	2PN	C1	07	02	C1.0702	North West/ Tây Bắc	61.7	2,682,742,595	12,028,025	267,071,457	2,949,814,052	53,654,852
8	2PN	C1	07	05	C1.0705	South East/ Đông Nam	73.3	3,365,984,328	14,289,371	335,169,496	3,701,153,824	67,319,687
9	2PN	C1	08	05	C1.0805	South East/ Đông Nam	73.3	3,416,559,507	14,289,371	340,227,014	3,756,786,521	68,331,190
10	2PN	C1	09	05	C1.0905	South East/ Đông Nam	73.3	3,433,642,304	14,289,371	341,935,293	3,775,577,597	68,672,846
11	2PN	C1	09	07	C1.0907	North West/ Tây Bắc	64.2	2,847,553,093	12,515,384	283,503,771	3,131,056,864	56,951,062
12	2PN	C1	11	05	C1.1105	South East/ Đông Nam	73.3	3,416,812,383	14,289,371	340,252,301	3,757,064,684	68,336,248
13	2PN	C1	11	07	C1.1107	North West/ Tây Bắc	64.2	2,833,595,875	12,515,384	282,108,049	3,115,703,924	56,671,918
14	2PN	C1	12	05	C1.1205	South East/ Đông Nam	73.3	3,433,896,444	14,289,371	341,960,707	3,775,857,151	68,677,929
15	2PN	C1	13	04	C1.1304	South East/ Đông Nam	73.3	3,416,555,267	14,289,371	340,226,590	3,756,781,857	68,331,105
16	2PN	C1	13	05	C1.1305	South East/ Đông Nam	73.3	3,433,810,597	14,289,371	341,952,123	3,775,762,720	68,676,212
17	2PN	C1	13	07	C1.1307	North West/ Tây Bắc	64.2	2,847,692,660	12,515,384	283,517,728	3,131,210,388	56,953,853
18	2PN	C1	18	02	C1.1802	North West/ Tây Bắc	61.7	2,848,208,995	12,028,025	283,618,097	3,131,827,092	56,964,180
19	2PN	C1	18	05	C1.1805	South East/ Đông Nam	73.3	3,573,591,763	14,289,371	355,930,239	3,929,522,002	71,471,835
20	2PN	C1	18	07	C1.1807	North West/ Tây Bắc	64.2	2,963,614,546	12,515,384	295,109,916	3,258,724,462	59,272,291
21	2PN	C2	02	01	C2.0201	North West/ Tây Bắc	64.2	2,708,807,922	12,515,384	269,629,254	2,978,437,176	54,176,158
22	2PN	C2	03	07	C2.0307	South East/ Đông Nam	74.8	3,545,587,306	14,581,787	353,100,552	3,898,687,858	70,911,746
23	2PN	C2	04	01	C2.0401	North West/ Tây Bắc	64.2	2,695,059,017	12,515,384	268,254,363	2,963,313,380	53,901,180
24	2PN	C2	04	05	C2.0405	South East/ Đông Nam	74.8	3,510,219,189	14,581,787	349,563,740	3,859,782,929	70,204,384
25	2PN	C2	06	04	C2.0604	North West/ Tây Bắc	61.7	2,616,072,397	12,028,025	260,404,437	2,876,476,834	52,321,448
26	2PN	C2	07	03	C2.0703	North West/ Tây Bắc	64.2	2,791,443,673	12,515,384	277,892,829	3,069,336,502	55,828,873
27	2PN	C2	08	03	C2.0803	North West/ Tây Bắc	64.2	2,833,386,163	12,515,384	282,087,078	3,115,473,241	56,667,723
28	2PN	C2	08	04	C2.0804	North West/ Tây Bắc	61.7	2,695,813,080	12,028,025	268,378,506	2,964,191,586	53,916,262
29	2PN	C2	08	05	C2.0805	North West/ Tây Bắc	61.7	2,709,158,689	12,028,025	269,713,066	2,978,871,755	54,183,174
30	2PN	C2	09	03	C2.0903	North West/ Tây Bắc	64.2	2,847,553,093	12,515,384	283,503,771	3,131,056,864	56,951,062
31	2PN	C2	09	04	C2.0904	North West/ Tây Bắc	61.7	2,709,292,145	12,028,025	269,726,412	2,979,018,557	54,185,843
32	2PN	C2	11	03	C2.1103	North West/ Tây Bắc	64.2	2,833,595,875	12,515,384	282,108,049	3,115,703,924	56,671,918
33	2PN	C2	13	03	C2.1303	North West/ Tây Bắc	64.2	2,847,692,660	12,515,384	283,517,728	3,131,210,388	56,953,853
34	2PN	C2	13	08	C2.1308	South East/ Đông Nam	77.1	3,786,309,650	15,030,157	377,127,949	4,163,437,599	75,726,193
35	2PN	C2	14	03	C2.1403	North West/ Tây Bắc	64.2	2,861,931,124	12,515,384	284,941,574	3,146,872,698	57,238,622
36	2PN	C2	14	07	C2.1407	South East/ Đông Nam	74.8	3,708,738,133	14,581,787	369,415,635	4,078,153,768	74,174,763
37	2PN	C2	14	08	C2.1408	South East/ Đông Nam	77.1	3,805,241,199	15,030,157	379,021,104	4,184,262,303	76,104,824
38	2PN	C2	17	06	C2.1706	North West/ Tây Bắc	61.7	2,834,038,801	12,028,025	282,201,078	3,116,239,879	56,680,776
39	2PN	C2	18	01	C2.1801	South East/ Đông Nam	72.8	3,720,674,960	14,191,899	370,648,306	4,091,323,266	74,413,499
40	2PN	C2	18	03	C2.1803	North West/ Tây Bắc	64.2	2,963,614,546	12,515,384	295,109,916	3,258,724,462	59,272,291
41	2PN	C2	18	04	C2.1804	North West/ Tây Bắc	61.7	2,819,649,211	12,028,025	280,762,119	3,100,411,330	56,392,984
42	2PN	C2	18	05	C2.1805	North West/ Tây Bắc	61.7	2,833,677,317	12,028,025	282,164,929	3,115,842,246	56,673,546
43	2PN	C2	18	06	C2.1806	North West/ Tây Bắc	61.7	2,848,208,995	12,028,025	283,618,097	3,131,827,092	56,964,180

NO STT	Type Loại	Tower Tháp	Floor Tầng	Location Vị Trí	Unit No Mã Căn	Direction Hướng	Carpet Area Diện tích thông thủy (m2)	Sale Price (excluding VAT/VND) Giá dự kiến trước thuế	Land value (estimated) Giá trị đất (dự kiến)	VAT Thuế	Sale Price (including VAT/VND) Giá dự kiến sau thuế (VND)	Maintanance Fee Phí bảo trì
44	2PN	C2	18	08	C2.1808	South East/ Đông Nam	77.1	3,940,440,101	15,030,157	392,540,994	4,332,981,095	78,808,802
45	2PN	C3	03	06	C3.0306	South East/ Đông Nam	73.3	3,282,119,739	14,289,371	326,783,037	3,608,902,776	65,642,395
46	2PN	C3	04	04	C3.0404	South East/ Đông Nam	73.3	3,248,884,972	14,289,371	323,459,560	3,572,344,532	64,977,699
47	2PN	C3	07	07	C3.0707	South East/ Đông Nam	77.1	3,540,482,833	15,030,157	352,545,268	3,893,028,101	70,809,657
48	2PN	C3	13	07	C3.1307	South East/ Đông Nam	77.1	3,611,825,335	15,030,157	359,679,518	3,971,504,853	72,236,507
49	2PN	C3	14	04	C3.1404	North West/ Tây Bắc	61.7	2,722,701,104	12,028,025	271,067,308	2,993,768,412	54,454,022
50	2PN	C3	16	07	C3.1607	South East/ Đông Nam	77.1	3,703,121,029	15,030,157	368,809,087	4,071,930,116	74,062,421
51	2PN	C3	18	01	C3.1801	South East/ Đông Nam	71.5	3,485,836,440	13,938,473	347,189,797	3,833,026,237	69,716,729
52	2PN	C3	18	02	C3.1802	South East/ Đông Nam	73.6	3,778,895,882	14,347,854	376,454,803	4,155,350,685	75,577,918
53	2PN	C3	18	03	C3.1803	North West/ Tây Bắc	61.7	2,848,208,995	12,028,025	283,618,097	3,131,827,092	56,964,180
54	2PN	C3	18	04	C3.1804	North West/ Tây Bắc	61.7	2,819,649,211	12,028,025	280,762,119	3,100,411,330	56,392,984
55	2PN	C3	18	07	C3.1807	South East/ Đông Nam	77.1	3,758,853,000	15,030,157	374,382,284	4,133,235,284	75,177,060
56	2PN	D1	02	02	D1.0202	North West/ Tây Bắc	73.3	3,226,382,837	14,289,371	321,209,347	3,547,592,184	64,527,657
57	2PN	D1	02	03	D1.0203	North West/ Tây Bắc	73.3	3,210,720,785	14,289,371	319,643,141	3,530,363,926	64,214,416
58	2PN	D1	02	04	D1.0204	North West/ Tây Bắc	73.3	3,194,747,049	14,289,371	318,045,768	3,512,792,817	63,894,941
59	2PN	D1	02	05	D1.0205	North West/ Tây Bắc	73.3	3,226,382,837	14,289,371	321,209,347	3,547,592,184	64,527,657
60	2PN	D1	02	06	D1.0206	South East/ Đông Nam	64.9	2,732,049,282	12,651,844	271,939,744	3,003,989,026	54,640,986
61	2PN	D1	02	07	D1.0207	South East/ Đông Nam	72.6	3,040,755,415	14,152,911	302,660,250	3,343,415,665	60,815,108
62	2PN	D1	03	02	D1.0302	North West/ Tây Bắc	73.3	3,242,595,816	14,289,371	322,830,645	3,565,426,461	64,851,916
63	2PN	D1	03	03	D1.0303	North West/ Tây Bắc	73.3	3,226,855,060	14,289,371	321,256,569	3,548,111,629	64,537,101
64	2PN	D1	03	04	D1.0304	North West/ Tây Bắc	73.3	3,210,801,055	14,289,371	319,651,168	3,530,452,223	64,216,021
65	2PN	D1	03	05	D1.0305	North West/ Tây Bắc	73.3	3,242,595,816	14,289,371	322,830,645	3,565,426,461	64,851,916
66	2PN	D1	03	06	D1.0306	South East/ Đông Nam	64.9	2,745,778,173	12,651,844	273,312,633	3,019,090,806	54,915,563
67	2PN	D1	03	07	D1.0307	South East/ Đông Nam	72.6	3,056,035,593	14,152,911	304,188,268	3,360,223,861	61,120,712
68	2PN	D1	04	02	D1.0402	North West/ Tây Bắc	73.3	3,194,036,730	14,289,371	317,974,736	3,512,011,466	63,880,735
69	2PN	D1	04	03	D1.0403	North West/ Tây Bắc	73.3	3,178,531,697	14,289,371	316,424,233	3,494,955,930	63,570,634
70	2PN	D1	04	04	D1.0404	North West/ Tây Bắc	73.3	3,162,397,019	14,289,371	314,810,765	3,477,207,784	63,247,940
71	2PN	D1	04	05	D1.0405	North West/ Tây Bắc	73.3	3,194,036,730	14,289,371	317,974,736	3,512,011,466	63,880,735
72	2PN	D1	04	06	D1.0406	South East/ Đông Nam	64.9	2,718,182,412	12,651,844	270,553,057	2,988,735,469	54,363,648
73	2PN	D1	04	07	D1.0407	South East/ Đông Nam	72.6	3,025,321,668	14,152,911	301,116,876	3,326,438,544	60,506,433
74	2PN	D1	05	02	D1.0502	North West/ Tây Bắc	73.3	3,258,971,742	14,289,371	324,468,237	3,583,439,979	65,179,435
75	2PN	D1	05	03	D1.0503	North West/ Tây Bắc	73.3	3,243,151,491	14,289,371	322,886,212	3,566,037,703	64,863,030
76	2PN	D1	05	04	D1.0504	North West/ Tây Bắc	73.3	3,226,935,733	14,289,371	321,264,636	3,548,200,369	64,538,715
77	2PN	D1	05	05	D1.0505	North West/ Tây Bắc	73.3	3,258,971,742	14,289,371	324,468,237	3,583,439,979	65,179,435
78	2PN	D1	05	06	D1.0506	South East/ Đông Nam	64.9	2,773,443,269	12,651,844	276,079,142	3,049,522,411	55,468,865
79	2PN	D1	05	07	D1.0507	South East/ Đông Nam	72.6	3,086,826,690	14,152,911	307,267,378	3,394,094,068	61,736,534
80	2PN	D1	06	06	D1.0606	South East/ Đông Nam	64.9	2,787,380,170	12,651,844	277,472,833	3,064,853,003	55,747,603
81	2PN	D1	06	07	D1.0607	South East/ Đông Nam	72.6	3,102,338,381	14,152,911	308,818,547	3,411,156,928	62,046,768
82	2PN	D1	07	02	D1.0702	North West/ Tây Bắc	73.3	3,308,266,559	14,289,371	329,397,719	3,637,664,278	66,165,331
83	2PN	D1	07	03	D1.0703	North West/ Tây Bắc	73.3	3,292,207,013	14,289,371	327,791,764	3,619,998,777	65,844,140
84	2PN	D1	07	04	D1.0704	North West/ Tây Bắc	73.3	3,275,827,874	14,289,371	326,153,850	3,601,981,724	65,516,557
85	2PN	D1	07	05	D1.0705	North West/ Tây Bắc	73.3	3,308,266,559	14,289,371	329,397,719	3,637,664,278	66,165,331
86	2PN	D1	07	06	D1.0706	South East/ Đông Nam	64.9	2,815,394,041	12,651,844	280,274,220	3,095,668,261	56,307,881
87	2PN	D1	07	07	D1.0707	South East/ Đông Nam	72.6	3,133,517,662	14,152,911	311,936,475	3,445,454,137	62,670,353
88	2PN	D1	08	03	D1.0803	North West/ Tây Bắc	73.3	3,358,135,107	14,289,371	334,384,574	3,692,519,681	67,162,702
89	2PN	D1	08	04	D1.0804	North West/ Tây Bắc	73.3	3,341,673,660	14,289,371	332,738,429	3,674,412,089	66,833,473
90	2PN	D1	08	05	D1.0805	North West/ Tây Bắc	73.3	3,374,516,254	14,289,371	336,022,688	3,710,538,942	67,490,325
91	2PN	D1	08	06	D1.0806	South East/ Đông Nam	64.9	2,871,773,716	12,651,844	285,912,187	3,157,685,903	57,435,474

NO STT	Type Loại	Tower Tháp	Floor Tầng	Location Vị Trí	Unit No Mã Căn	Direction Hướng	Carpet Area Diện tích thảm thúy (m2)	Sale Price (excluding VAT/VND) Giá dự kiến trước thuế	Land value (estimated) Giá trị đất (dự kiến)	VAT Thuế	Sale Price (including VAT/VND) Giá dự kiến sau thuế (VND)	Maintanance Fee Phí bảo trì
92	2PN	D1	08	07	D1.0807	South East/Đông Nam	72.6	3,196,267,922	14,152,911	318,211,501	3,514,479,423	63,925,358
93	2PN	D1	09	06	D1.0906	South East/ Đông Nam	64.9	2,871,984,876	12,651,844	285,933,303	3,157,918,179	57,439,698
94	2PN	D1	09	07	D1.0907	South East/ Đông Nam	72.6	3,196,502,941	14,152,911	318,235,003	3,514,737,944	63,930,059
95	2PN	D1	10	06	D1.1006	South East/ Đông Nam	64.9	2,843,689,459	12,651,844	283,103,761	3,126,793,220	56,873,789
96	2PN	D1	10	07	D1.1007	South East/ Đông Nam	72.6	3,165,010,301	14,152,911	315,085,739	3,480,096,040	63,300,206
97	2PN	D1	11	03	D1.1103	North West/ Tây Bắc	73.3	3,341,920,993	14,289,371	332,763,162	3,674,684,155	66,838,420
98	2PN	D1	11	05	D1.1105	North West/ Tây Bắc	73.3	3,358,223,047	14,289,371	334,393,368	3,692,616,415	67,164,461
99	2PN	D1	11	06	D1.1106	South East/ Đông Nam	64.9	2,857,907,906	12,651,844	284,525,606	3,142,433,512	57,158,158
100	2PN	D1	11	07	D1.1107	South East/ Đông Nam	72.6	3,180,835,353	14,152,911	316,668,244	3,497,503,597	63,616,707
101	2PN	D1	12	04	D1.1204	North West/ Tây Bắc	73.3	3,341,837,445	14,289,371	332,754,807	3,674,592,252	66,836,749
102	2PN	D1	12	05	D1.1205	North West/ Tây Bắc	73.3	3,375,014,162	14,289,371	336,072,479	3,711,086,641	67,500,283
103	2PN	D1	12	06	D1.1206	South East/ Đông Nam	64.9	2,872,197,445	12,651,844	285,954,560	3,158,152,005	57,443,949
104	2PN	D1	12	07	D1.1207	South East/ Đông Nam	72.6	3,196,739,530	14,152,911	318,258,662	3,514,998,192	63,934,791
105	2PN	D1	13	02	D1.1302	North West/ Tây Bắc	73.3	3,374,929,787	14,289,371	336,064,042	3,710,993,829	67,498,596
106	2PN	D1	13	03	D1.1303	North West/ Tây Bắc	73.3	3,358,546,633	14,289,371	334,425,726	3,692,972,359	67,170,933
107	2PN	D1	13	04	D1.1304	North West/ Tây Bắc	73.3	3,341,669,514	14,289,371	332,738,014	3,674,407,528	66,833,390
108	2PN	D1	13	05	D1.1305	North West/ Tây Bắc	73.3	3,374,929,787	14,289,371	336,064,042	3,710,993,829	67,498,596
109	2PN	D1	13	06	D1.1306	South East/ Đông Nam	64.9	2,872,125,641	12,651,844	285,947,380	3,158,073,021	57,442,513
110	2PN	D1	13	07	D1.1307	South East/ Đông Nam	72.6	3,196,659,611	14,152,911	318,250,670	3,514,910,281	63,933,192
111	2PN	D1	14	06	D1.1406	South East/Đông Nam	64.9	2,886,486,269	12,651,844	287,383,442	3,173,869,711	57,729,725
112	2PN	D1	14	07	D1.1407	South East/Đông Nam	72.6	3,212,642,909	14,152,911	319,849,000	3,532,491,909	64,252,858
113	2PN	D1	15	02	D1.1502	North West/Tây Bắc	73.3	3,443,022,387	14,289,371	342,873,302	3,785,895,689	68,860,448
114	2PN	D1	15	07	D1.1507	South East/Đông Nam	72.6	3,261,155,432	14,152,911	324,700,252	3,585,855,684	65,223,109
115	2PN	D1	16	02	D1.1602	North West/Tây Bắc	73.3	3,460,237,499	14,289,371	344,594,813	3,804,832,312	69,204,750
116	2PN	D1	16	03	D1.1603	North West/Tây Bắc	73.3	3,443,440,230	14,289,371	342,915,086	3,786,355,316	68,868,805
117	2PN	D1	16	05	D1.1605	North West/Tây Bắc	73.3	3,460,237,499	14,289,371	344,594,813	3,804,832,312	69,204,750
118	2PN	D1	16	07	D1.1607	South East/Đông Nam	72.6	3,277,461,209	14,152,911	326,330,830	3,603,792,039	65,549,224
119	2PN	D1	17	02	D1.1702	North West/Tây Bắc	73.3	3,494,839,874	14,289,371	348,055,050	3,842,894,924	69,896,797
120	2PN	D1	17	03	D1.1703	North West/Tây Bắc	73.3	3,477,874,632	14,289,371	346,358,526	3,824,233,158	69,557,493
121	2PN	D1	17	04	D1.1704	North West/ Tây Bắc	73.3	3,460,657,431	14,289,371	344,636,806	3,805,294,237	69,213,149
122	2PN	D1	17	05	D1.1705	North West/ Tây Bắc	73.3	3,494,839,874	14,289,371	348,055,050	3,842,894,924	69,896,797
123	2PN	D1	17	07	D1.1707	South East/Đông Nam	72.6	3,310,235,821	14,152,911	329,608,291	3,639,844,112	66,204,716
124	2PN	D1	18	02	D1.1802	North West/Tây Bắc	73.3	3,512,314,074	14,289,371	349,802,470	3,862,116,544	70,246,281
125	2PN	D1	18	03	D1.1803	North West/Tây Bắc	73.3	3,495,264,005	14,289,371	348,097,463	3,843,361,468	69,905,280
126	2PN	D1	18	04	D1.1804	North West/ Tây Bắc	73.3	3,477,960,718	14,289,371	346,367,135	3,824,327,853	69,559,214
127	2PN	D1	18	05	D1.1805	North West/ Tây Bắc	73.3	3,512,314,074	14,289,371	349,802,470	3,862,116,544	70,246,281
128	2PN	D1	18	06	D1.1806	South East/Đông Nam	64.9	2,989,042,127	12,651,844	297,639,028	3,286,681,155	59,780,843
129	2PN	D1	18	07	D1.1807	South East/Đông Nam	72.6	3,326,787,000	14,152,911	331,263,409	3,658,050,409	66,535,740
130	2PN	D2	13	01	D2.1301	North West/ Tây Bắc	72.8	3,568,318,060	14,191,899	355,412,616	3,923,730,676	71,366,361
131	2PN	D2	13	03	D2.1303	South East/ Đông Nam	68.3	3,238,752,472	13,314,653	322,543,782	3,561,296,254	64,775,049
132	2PN	D2	13	07	D2.1307	North West/ Tây Bắc	70.6	3,476,579,548	13,763,023	346,281,653	3,822,861,201	69,531,591
133	2PN	D2	14	04	D2.1404	South East/ Đông Nam	73.3	3,291,865,597	14,289,371	327,757,623	3,619,623,220	65,837,312
134	2PN	D2	14	05	D2.1405	South East/ Đông Nam	73.3	3,308,491,181	14,289,371	329,420,181	3,637,911,362	66,169,824
135	2PN	D2	15	03	D2.1503	South East/ Đông Nam	68.3	3,304,097,558	13,314,653	329,078,291	3,633,175,849	66,081,951
136	2PN	D2	15	08	D2.1508	North West/ Tây Bắc	77.1	3,855,330,919	15,030,157	384,030,076	4,239,360,995	77,106,618
137	2PN	D2	18	03	D2.1803	South East/ Đông Nam	68.3	3,370,593,347	13,314,653	335,727,869	3,706,321,216	67,411,867
138	2PN	D2	18	07	D2.1807	North West/ Tây Bắc	70.6	3,618,101,722	13,763,023	360,433,870	3,978,535,592	72,362,034

NO STT	Type Loại	Tower Tháp	Floor Tầng	Location Vị Trí	Unit No Mã Căn	Direction Hướng	Carpet Area Diện tích thảm thúy (m2)	Sale Price (excluding VAT/VND) Giá dự kiến trước thuế	Land value (estimated) Giá trị đất (dự kiến)	VAT Thuế	Sale Price (including VAT/VND) Giá dự kiến sau thuế (VND)	Maintanance Fee Phí bảo trì
139	2PN	D3	02	03	D3.0203	South East/ Đông Nam	74.6	3,383,093,823	14,542,798	336,855,102	3,719,948,925	67,661,876
140	2PN	D3	02	04	D3.0204	South East/ Đông Nam	74.6	3,366,262,510	14,542,798	335,171,971	3,701,434,481	67,325,250
141	2PN	D3	08	04	D3.0804	South East/ Đông Nam	74.6	3,521,077,128	14,542,798	350,653,433	3,871,730,561	70,421,543
142	2PN	D3	13	04	D3.1304	South East/ Đông Nam	74.6	3,521,072,759	14,542,798	350,652,996	3,871,725,755	70,421,455
143	2PN	D3	13	06	D3.1306	South East/ Đông Nam	77.1	3,657,450,323	15,030,157	364,242,017	4,021,692,340	73,149,006
144	2PN	D3	14	06	D3.1406	South East/ Đông Nam	77.1	3,675,737,574	15,030,157	366,070,742	4,041,808,316	73,514,751
145	2PN	D3	15	04	D3.1504	South East/ Đông Nam	74.6	3,592,294,458	14,542,798	357,775,166	3,950,069,624	71,845,889
146	2PN	D3	16	01	D3.1601	North West/ Tây Bắc	71.5	3,426,392,857	13,938,473	341,245,438	3,767,638,295	68,527,857
147	2PN	D3	16	04	D3.1604	South East/ Đông Nam	74.6	3,610,255,930	14,542,798	359,571,313	3,969,827,243	72,205,119
148	2PN	D3	16	09	D3.1609	North West/ Tây Bắc	74.1	3,550,988,961	14,445,326	353,654,364	3,904,643,325	71,019,779
149	2PN	D3	16	10	D3.1610	North West/ Tây Bắc	77.1	3,694,753,697	15,030,157	367,972,354	4,062,726,051	73,895,074
150	3PN	C1	13	06	C1.1306	South East/ Đông Nam	89.6	4,217,677,425	17,466,953	420,021,047	4,637,698,472	84,353,548
151	3PN	C1	14	06	C1.1406	South East/ Đông Nam	89.6	4,238,765,812	17,466,953	422,129,886	4,660,895,698	84,775,316
152	3PN	C1	18	06	C1.1806	South East/ Đông Nam	89.6	4,389,367,694	17,466,953	437,190,074	4,826,557,768	87,787,354
153	3PN	C2	16	02	C2.1602	South East/ Đông Nam	91.5	4,628,292,208	17,837,346	461,045,486	5,089,337,694	92,565,844
154	3PN	D1	02	01	D1.0201	South West/ Tây Nam	88	3,854,149,304	17,155,043	383,699,426	4,237,848,730	77,082,986
155	3PN	D1	03	01	D1.0301	South West/ Tây Nam	88	3,873,516,888	17,155,043	385,636,184	4,259,153,072	77,470,338
156	3PN	D1	04	01	D1.0401	South West/ Tây Nam	88	3,834,587,070	17,155,043	381,743,203	4,216,330,273	76,691,741
157	3PN	D1	05	01	D1.0501	South West/ Tây Nam	88	3,912,544,520	17,155,043	389,538,948	4,302,083,468	78,250,890
158	3PN	D1	06	01	D1.0601	South West/ Tây Nam	88	3,932,205,547	17,155,043	391,505,050	4,323,710,597	78,644,111
159	3PN	D1	07	01	D1.0701	South West/ Tây Nam	88	3,971,725,201	17,155,043	395,457,016	4,367,182,217	79,434,504
160	3PN	D1	08	01	D1.0801	South West/ Tây Nam	88	4,051,260,987	17,155,043	403,410,594	4,454,671,581	81,025,220
161	3PN	D1	09	01	D1.0901	South West/ Tây Nam	88	4,051,558,873	17,155,043	403,440,383	4,454,999,256	81,031,177
162	3PN	D1	10	01	D1.1001	South West/ Tây Nam	88	4,011,642,037	17,155,043	399,448,699	4,411,090,736	80,232,841
163	3PN	D1	11	01	D1.1101	South West/ Tây Nam	88	4,031,700,247	17,155,043	401,454,520	4,433,154,767	80,634,005
164	3PN	D1	13	01	D1.1301	South West/ Tây Nam	88	4,051,757,452	17,155,043	403,460,241	4,455,217,693	81,035,149
165	3PN	D1	14	01	D1.1401	South West/ Tây Nam	88	4,072,016,239	17,155,043	405,486,120	4,477,502,359	81,440,325
166	3PN	D1	15	01	D1.1501	South West/ Tây Nam	88	4,133,505,731	17,155,043	411,635,069	4,545,140,800	82,670,115
167	3PN	D3	02	06	D3.0206	South East/ Đông Nam	92.7	4,224,532,373	18,071,278	420,646,110	4,645,178,483	84,490,647
168	3PN	D3	03	02	D3.0302	North East/ Đông Bắc	92.7	4,245,761,179	18,071,278	422,768,990	4,668,530,169	84,915,224
169	3PN	D3	03	03	D3.0303	South East/ Đông Nam	93.3	4,273,241,834	18,188,245	425,505,359	4,698,747,193	85,464,837
170	3PN	D3	03	07	D3.0307	South East/ Đông Nam	92.7	4,245,761,179	18,071,278	422,768,990	4,668,530,169	84,915,224
171	3PN	D3	04	02	D3.0402	North East/ Đông Bắc	92.7	4,182,179,315	18,071,278	416,410,804	4,598,590,119	83,643,586
172	3PN	D3	04	03	D3.0403	South East/ Đông Nam	93.3	4,209,248,437	18,188,245	419,106,019	4,628,354,456	84,184,969
173	3PN	D3	04	07	D3.0407	South East/ Đông Nam	92.7	4,182,179,315	18,071,278	416,410,804	4,598,590,119	83,643,586
174	3PN	D3	05	02	D3.0502	North East/ Đông Bắc	92.7	4,267,203,342	18,071,278	424,913,206	4,692,116,548	85,344,067
175	3PN	D3	05	07	D3.0507	South East/ Đông Nam	92.7	4,267,203,342	18,071,278	424,913,206	4,692,116,548	85,344,067
176	3PN	D3	07	07	D3.0707	South East/ Đông Nam	92.7	4,331,748,551	18,071,278	431,367,727	4,763,116,278	86,634,971
177	3PN	D3	08	02	D3.0802	North East/ Đông Bắc	92.7	4,418,493,984	18,071,278	440,042,271	4,858,536,255	88,369,880
178	3PN	D3	10	02	D3.1002	North East/ Đông Bắc	92.7	4,375,283,712	18,071,278	435,721,243	4,811,004,955	87,505,674
179	DP-3PN	C2	03	08	C2.0308	South East/ Đông Nam	129.9	6,707,713,921	25,323,183	668,239,074	7,375,952,995	134,154,278
180	DP-3PN	C3	03	01	C3.0301	South East/ Đông Nam	122.9	6,078,476,962	23,958,577	605,451,838	6,683,928,800	121,569,539
181	DP-3PN	C3	03	02	C3.0302	South East/ Đông Nam	127.7	6,343,702,083	24,894,307	631,880,778	6,975,582,861	126,874,042
182	DP-3PN	D2	03	07	D2.0307	North West/ Tây Bắc	124.5	6,401,745,271	24,270,487	637,747,478	7,039,492,749	128,034,905